

ĐỀ CƯƠNG MÔN TÂM LÝ HỌC

1. Phân tích bản chất tâm lý người theo quan điểm tâm lý học hoạt động. Nêu ý nghĩa vận dụng trong nghiên cứu và đánh giá tâm lý cá nhân.

- **Định nghĩa tâm lý:** Tâm lý là toàn bộ những hiện tượng tinh thần nảy sinh trong não người, gắn liền và điều khiển toàn bộ hoạt động, hành vi của con người.
- **Bản chất tâm lý:**
 - + Tâm lý người là sự phản ánh hiện thực khách quan.
 - Phản ánh là sự tác động qua lại giữa hai hay nhiều hệ thống vật chất mà kết quả để lại dấu vết ở cả hệ thống tác động lẫn hệ thống chịu sự tác động.
 - Phản ánh tâm lý là sự tác động qua lại giữa thế giới khách quan và não người (cơ quan vật chất có cấu trúc phức tạp nhất trong sinh giới) để lại một dấu vết trên não, mang nội dung tinh thần, đó chính là hình ảnh tâm lý. Như vậy, thực chất tâm lý chính là hình ảnh về thế giới khách quan. Tuy nhiên, hình ảnh này không khô cứng như hình ảnh phản chiếu trong gương hay thu được từ máy chụp hình mà có những đặc điểm riêng biệt.
 - + Tâm lý người là chức năng của bộ não.

Trên não có rất nhiều hệ thống chức năng để thực hiện những hiện tượng tâm lý đa dạng và phong phú, những hệ thống chức năng này cũng rất cơ động và linh hoạt vì các hiện tượng phong phú rất phức tạp. Ngoài ra, sự hình thành và thể hiện những hiện tượng tâm lý còn chịu sự quy định, chi phối của những quy luật hoạt động thần kinh cấp cao (quy luật cảm ứng, quy luật lan tỏa và tập trung, quy luật hoạt động theo hệ thống).

Tóm lại, não hoạt động theo hệ thống chức năng và tâm lý chỉ nảy sinh khi có sự hoạt động của não hay nói khác đi, tâm lý là chức năng của bộ não.

- + Tâm lý người có bản chất xã hội và có tính lịch sử:
 - Điều kiện đủ để có tâm lý người đó chính là các mối quan hệ xã hội.
 - Tâm lý người có nguồn gốc từ thế giới khách quan, nhưng chính nguồn gốc xã hội là cái quyết định nên tâm lý người.

- Với bản chất phản ánh, nền văn hóa tạo nên chất liệu, nội dung cho tâm lý người. Tâm lý người phản ánh chính nền văn hóa xã hội mà người đó sống.
- Theo quan điểm Tâm lý học hoạt động, tâm lý người chỉ được hình thành thông qua con đường xã hội.
- Tâm lý con người ở mỗi một thời đại, một xã hội khác nhau sẽ mang dấu ấn của thời đại và xã hội đó.

- Ý nghĩa:

- + Sẽ có những thiếu sót lớn nếu không đề cập đến ý nghĩa của Tâm lý học đối với chính bản thân người học. Như tất cả các ngành khoa học khác, nghiên cứu về tâm lý học thỏa mãn được nhu cầu nhận thức của người học vì đây vốn là lĩnh vực hấp dẫn, nghiên cứu về thế giới tâm lý con người. Những hiểu biết về tâm lý học, đặc biệt là tâm lý học đại cương, giúp người học có cái nhìn bao quát và toàn diện về đời sống tâm lý người trên mọi phương diện ở các mức độ khác nhau mà trong đó, từng hiện tượng tâm lý được mô tả sinh động và liên kết với nhau chặt chẽ. Với những ai có tham vọng tìm hiểu về đời sống tâm lý của người xung quanh một cách khách quan để từ đó có cách thức ứng xử, tác động thay đổi họ thì Tâm lý học có thể đáp ứng được về cơ bản. Ngoài ra trên nền kiến thức chung về tâm lý con người, những ai đam mê và muốn dẫn thân vào Tâm lý học sẽ có khả năng khám phá và đào sâu hơn vào từng mảng và từng kiến thức theo hứng thú và năng lực của họ.
- + Hơn nữa, giá trị cuối cùng và có thể là cao nhất (theo quan điểm của người viết). Tâm lý học giúp chính bản thân người học hiểu được về chính mình, tự rèn luyện, tự điều chỉnh theo hướng cách tích cực nhất. Từ đó, người học và nghiên cứu tâm lý sẽ phát triển một cách toàn diện và nhân văn.

2. Thế nào là tính chủ thể của sự phản ánh tâm lý? Phân tích và nêu ý nghĩa vận dụng trong nghiên cứu, đánh giá tâm lý cá nhân.

- Tính chủ thể của sự phản ánh tâm lý:

Trong phản ánh thế giới khách quan, thế giới khách quan tác động vào 1 chủ thể nhất định và nó được khúc xạ qua lăng kính của chủ thể tạo nên những

hình ảnh tâm lí mang màu sắc chủ thể riêng biệt, không hoàn toàn trùng khớp với hiện thực. Tính chủ thể thể hiện như sau:

- Cùng 1 hiện thực khách quan tác động vào nhiều chủ thể khác nhau sẽ cho ra những hình ảnh tâm lí khác nhau ở từng chủ thể.
- Cùng 1 hiện thực khách quan tác động vào chủ thể ở những thời điểm khác nhau, hoàn cảnh khác nhau, điều kiện khác nhau, trạng thái khác nhau sẽ cho ra những hình ảnh tâm lí mang sắc thái khác nhau.
- Chủ thể là người đầu tiên trải nghiệm những hiện tượng tâm lí, từ đó có thái độ, hành động tương ứng khác nhau đối với hiện thực.

- Phân tích:

Nguyên nhân dẫn đến tính chủ thể này trước hết là do về đặc điểm cấu tạo hệ thần kinh, cơ quan cảm giác vì con người sinh ra chỉ bình đẳng về mặt sinh học trên phương diện loài chứ không bình đẳng trên phương diện cá thể. Ngoài ra, khi phản ánh thế giới khách quan, con người vận dụng tất cả các tri thức, kinh nghiệm sống, nhu cầu của mình để tạo nên hình ảnh tâm lí mà tất cả những yếu tố này khác nhau ở mỗi người. Một lí do khác, mỗi con người có môi trường sống khác nhau, cho dù cùng sống chung 1 mái nhà, cùng học 2 lớp nhưng mức độ tham gia hoạt động giao tiếp khác nhau thì cũng dẫn đến những khác biệt trong phản ánh tâm lí.

- Nêu ý nghĩa:

Như vậy, tâm lí là hình ảnh chủ quan về thế giới khách quan, hình ảnh chủ quan này vừa mang tính trung thực, vừa mang tính tích cực sáng tạo, sinh động. Từ đó, muốn nghiên cứu tâm lí người thì cần tìm hiểu môi trường sống của người đó cũng như phải tác động thay đổi môi trường sống nếu như muốn hình thành và thay đổi nét tâm lí nào đó ở con người. Bên cạnh đó, phản ánh tâm lí có chủ thể nên trong ứng xử giao tiếp cần tôn trọng cái riêng của người, nhìn thấy tính chủ thể của mỗi người trong đánh giá, tránh áp đặt cũng như quá đề cao vai trò cá nhân.

3. Phân tích luận điểm: “ Tâm lý cá nhân có bản chất xã hội - lịch sử “. Nêu ý nghĩa vận dụng trong nghiên cứu và đánh giá tâm lý cá nhân.

- Phân tích:

- Bản chất xã hội của tâm lý con người thể hiện ở chỗ, tâm lý con người có nguồn gốc xã hội và mang nội dung xã hội. Điều này được biểu hiện như sau:

+ Tâm lý con người có nguồn gốc xã hội: Sự tồn tại và phát triển tâm lý con người luôn gắn liền với sự tồn tại và phát triển của cộng đồng xã hội.

Ví dụ: Nếu một cá nhân mà tách khỏi cộng đồng xã hội loài người, thì cá nhân đó sẽ không thể có được những đặc điểm tâm lý của một con người với tư cách là thành viên của xã hội.

+ Để trở thành thành viên của xã hội, cá nhân cần phải lĩnh hội được các tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, các chuẩn mực ... cần thiết, cá nhân phải thông qua các hoạt động giao lưu, học tập, lao động trong điều kiện xã hội.

+ Nhờ đó mà tâm lý của cá nhân mới được hình thành. Như vậy, tâm lý con người chỉ có thể được hình thành và phát triển trong điều kiện xã hội.

+ Tâm lý của con người mang nội dung xã hội, tâm lý con người chịu sự quy định của các quan hệ xã hội mà họ tham gia.

+ Mỗi cá nhân tham gia vào rất nhiều các mối quan hệ xã hội khác nhau, có các hoạt động và giao tiếp khác nhau. Các quan hệ xã hội mà cá nhân tham gia luôn để lại những dấu ấn nhất định trong tâm lý của họ. Chẳng hạn, các hoạt động nghề nghiệp khác nhau luôn tạo ra những phong cách khác nhau trong hành vi của mỗi người. Nếu bạn làm kinh doanh, hẳn bạn sẽ chịu ảnh hưởng của hoạt động này mà có phong cách năng động, thực tế. Còn nếu bạn là nghệ sĩ, bạn sẽ là người có phong cách lãng mạn và bay bổng. Như vậy, phụ thuộc vào các quan hệ xã hội khác nhau mà tâm lý của mỗi cá nhân có nội dung khác nhau. Về nội dung xã hội trong tâm lý của con người, C.Mác nói rằng, bản chất của con người là sự tổng hòa các mối quan hệ xã hội.

- Tâm lý con người mang tính lịch sử, nghĩa là nó luôn vận động, biến đổi. Thế giới xung quanh vận động, phát triển không ngừng. Tâm lý con người là sự phản ánh thế giới xung quanh nên cũng không ngừng vận động, phát triển.

Khi chuyển qua một thời kỳ lịch sử khác, những biến đổi trong xã hội trong sớm muộn sẽ dẫn đến những thay đổi trong nhận thức, tình cảm, ý chí, nếp nghĩ, lối sống, thế giới quan,... của con người. Ví dụ: ở nước ta trước đây trong thời kỳ bao cấp, những người giàu có, nhiều tiền, kể cả có được bằng con đường lao động chân chính nhưng họ vẫn thường ngại những người xung quanh biết là họ giàu có, nhiều tiền của. Tuy nhiên cùng với sự xuất hiện của cơ chế thị trường, tâm lý đó cũng thay đổi: sự giàu có trở thành niềm tự hào, niềm kiêu hãnh và người ta còn tìm cách chứng tỏ sự giàu có của mình bằng cách xây nhà cao, to, rộng rãi, mua sắm nhiều đồ tiện nghi, đắt giá.

- **Ý nghĩa:**

- + Tâm lý định hướng cho con người trong cuộc sống. Nó tham gia vào từng những việc tưởng chừng như rất nhỏ nhặt, chẳng hạn như mắt nhìn thấy sự vật giúp định hướng cho bước đi của ta đến việc nhận thức được một niềm tin nào đây sẽ hướng con người hoạt động để bảo vệ niềm tin của mình. Ở đây chức năng định hướng của tâm lý đang đề cập đến vai trò của mục đích, động cơ trong hành động, hoạt động của con người. Tùy vào mục đích, động cơ khác nhau, tâm lý sẽ thôi thúc con người hướng hoạt động của mình để đạt được mục đích ấy chiếm lĩnh đối tượng cũng như kiềm hãm những hành động, hoạt động không cần thiết trong quá trình hoạt động.
- + Tâm lý có thể điều khiển, kiểm tra con người bằng việc đối chiếu hiện thực với những hình ảnh dự tính trong đầu hoặc kế hoạch được lập ra từ trước giúp cho hoạt động có hiệu quả hơn. Nhờ chức năng này, hoạt động của con người khác hẳn con vật về chất, nó được diễn ra 1 cách có ý thức.
- + Một chức năng khác của tâm lý là giúp con người điều khiển hoạt động của mình cho phù hợp với mục tiêu ban đầu được xác định cũng như phù hợp với hoàn cảnh thực tế.
- + Với những chức năng như trên, tâm lý trở nên rất quan trọng, nó giữ vai trò cơ bản và quyết định hoạt động con người.

4. So sánh, phân biệt, trình bày mối quan hệ:

a. Nhận thức cảm tính và nhận thức lý tính

- So sánh:

- + Giống nhau:
 - Cả hai quá trình nhận thức đều phản ánh hiện thực khách quan để có những hình ảnh về chúng.
 - Cả hai đều là quá trình tâm lý có mở đầu, có diễn biến và kết thúc.
- + Khác nhau:

	Nhận thức cảm tính	Nhận thức lý tính
Nguồn gốc	<ul style="list-style-type: none"> ○ Nảy sinh khi có hiện thực khách quan tác động vào các giác quan tới ngưỡng. 	<ul style="list-style-type: none"> ○ Nảy sinh khi gặp tình huống có vấn đề.
Nội dung phản ánh	<ul style="list-style-type: none"> ○ Chỉ phản ánh những thuộc tính bề ngoài, trực quan cụ thể, những mối liên hệ quan hệ không gian và thời gian. 	<ul style="list-style-type: none"> ○ Phản ánh những thuộc tính bản chất, những mối quan hệ có tính quy luật.
Phương thức phản ánh	<ul style="list-style-type: none"> ○ Phản ánh trực tiếp bằng các giác quan. 	<ul style="list-style-type: none"> ○ Phản ánh khái quát, gián tiếp bằng ngôn ngữ, biểu tượng, khái niệm,...
Sản phẩm	<ul style="list-style-type: none"> ○ Cho ta những hình ảnh trực quan, cụ thể. 	<ul style="list-style-type: none"> ○ Cho ta những khái niệm, những phán đoán, những cái chung, cái bản chất về những hình ảnh mới.

- Mối quan hệ:
 - Nhận thức cảm tính là cơ sở, là nơi cung cấp nguyên liệu cho nhận thức lý tính.
 - Nhận thức lý tính phải dựa trên, gắn chặt, thường bắt đầu từ nhận thức cảm tính. Dù nhận thức lý tính có trừu tượng và khái quát đến đâu thì nội dung của nó cũng chứa đựng các thành phần của nhận thức cảm tính.

b. Cảm giác và tri giác

- So sánh:
 - + Giống nhau:

- Đều là quá trình tâm lý, tức là đều có 3 giai đoạn: mở đầu, diễn biến và kết thúc.
 - Cả 2 chỉ phản ánh bề ngoài của sự vật, hiện tượng đang tác động trực tiếp vào các giác quan.
- + Khác nhau:

	Cảm giác	Tri giác
Nội dung phản ánh	<ul style="list-style-type: none"> ○ Phản ánh từng thuộc tính riêng lẻ bề ngoài của sự vật, hiện tượng cụ thể do hoạt động của từng giác quan. 	<ul style="list-style-type: none"> ○ Phản ánh 1 cách trọn vẹn các thuộc tính bề ngoài sự vật hiện tượng theo 1 cấu trúc nhất định.
Phương thức phản ánh	<ul style="list-style-type: none"> ○ Không theo cấu trúc nhất định. 	<ul style="list-style-type: none"> ○ Theo những cấu trúc nhất định.
Sản phẩm	<ul style="list-style-type: none"> ○ Cảm giác thành phần về sự vật, hình ảnh riêng lẻ về từng thuộc tính của sự vật. 	<ul style="list-style-type: none"> ○ Hình ảnh tương đối trọn vẹn về sự vật.

- Mối quan hệ:

Giữa cảm giác và tri giác có mối quan hệ chặt chẽ với nhau trong quá trình nhận thức của con người:

- Cảm giác là cơ sở, là nguyên liệu cho quá trình tri giác.
- Tri giác là sự phát triển cao, là sự nhận thức khác xa về chất so với cảm giác, giúp cho cảm giác có hiệu quả hơn.

c. Tri giác - Tư duy:

- So sánh:

+ Giống nhau:

- Đều là quá trình tâm lý, tức là đều có 3 giai đoạn: mở đầu, diễn biến và kết thúc.

+ Khác nhau:

	Tri giác	Tư duy
Nguồn gốc	○ Nảy sinh khi các sự vật, hiện tượng trực tiếp tác động vào các giác quan.	○ Nảy sinh khi gặp hoàn cảnh có vấn đề.
Nội dung phản ánh	○ Phản ánh một cách trọn vẹn những thuộc tính bề ngoài của sự vật, hiện tượng theo cấu trúc nhất định.	○ Phản ánh gián tiếp và khái quát những thuộc tính bên trong bản chất, mối quan hệ có tính chất quy luật của sự vật hiện tượng.
Phương thức phản ánh	○ Trực tiếp khi sự vật tác động vào giác quan.	○ Ngôn ngữ là hình thức của tư duy.
Sản phẩm	○ Hình ảnh tương đối trọn vẹn về sự vật.	○ Những khái niệm, phán đoán, suy lý, định nghĩa.

- Mối quan hệ:

- Tri giác là cơ sở, là nơi cung cấp nguyên liệu cho tư duy.
- Tư duy phải dựa trên, gắn chặt, thường bắt đầu từ tri giác. Dù tư duy có trừu tượng và khái quát đến đâu thì nội dung của nó cũng chứa đựng các thành phần của tri giác

d. Tình cảm - nhận thức:

- So sánh:

+ Giống nhau:

- Đều phản ánh hiện thực khách quan: khi có hiện thực khách quan tác động vào mới có tình cảm và nhận thức.

- Điều mang tính chủ thể: tình cảm và nhận thức đều mang những đặc điểm riêng của mỗi người
- Điều mang bản chất xã hội: ví dụ trong thời kì phong kiến qui định cha mẹ đặt đâu con ngồi đó, cấm đoán đôi lứa yêu nhau. Vì vậy, mọi người đều nhận thức như vậy và tuân theo, những đôi lứa yêu nhau được cho là sai và bị mọi người kì thị, cấm đoán.

+ Khác nhau:

	Tình cảm	Nhận thức
Định nghĩa	<ul style="list-style-type: none"> ○ Là thái độ thể hiện sự rung cảm của con người với những sự vật, hiện tượng khách quan. 	<ul style="list-style-type: none"> ○ Là quá trình phản ánh hiện thực khách quan.
Nội dung phản ánh	<ul style="list-style-type: none"> ○ Tình cảm phản ánh các sự vật hiện tượng gắn liền với nhu cầu và động cơ của con người. 	<ul style="list-style-type: none"> ○ Phản ánh thuộc tính và các mối quan hệ của bản thân sự vật, hiện tượng trong hiện thực khách quan.
Phương thức phản ánh	<ul style="list-style-type: none"> ○ Thể hiện tình cảm bằng những rung cảm, bằng những trải nghiệm. 	<ul style="list-style-type: none"> ○ Phản ánh thế giới bằng những hình ảnh (cảm giác, tri giác) bằng những khái niệm (tư duy).
Con đường hình thành	<ul style="list-style-type: none"> ○ Khó hình thành, ổn định. Bền vững, khó mất đi. 	<ul style="list-style-type: none"> ○ Dễ hình thành nhưng cũng dễ bị phá bỏ.

- Mối quan hệ giữa tình cảm và nhận thức.
 - + Nhận thức là điều kiện để hình thành tình cảm.
 - Không nhận thức thì không có tình cảm.
 - Nhận thức thay đổi thì tình cảm thay đổi.
 - Không phải nhận thức như thế nào thì tình cảm như thế ấy.

- + Tình cảm là động lực mạnh mẽ nhất để nhận thức: chi phối khách quan nhận thức theo một hướng sai lệch, làm sai lệch đi sự vật hiện tượng.

e. Xúc cảm - Tình cảm:

- So sánh:

+ Giống nhau

- Đều do hiện thực khách quan tác động vào tác nhân mà có, đều biểu thị thái độ của con người đối với hiện thực.
- Đều mang tính chất lịch sử xã hội.
- Đều mang đậm màu sắc cá nhân.

+ Khác nhau:

Xúc cảm	Tình cảm
○ Có cả ở con người và con vật.	○ Chỉ có ở con người.
○ Là một quá trình tâm lý.	○ Là thuộc tính tâm lý.
○ Có tính chất nhất thời, tình huống và đa dạng.	○ Có tính chất ổn định.
○ Luôn luôn ở trạng thái hiện thực.	○ Thường ở trạng thái tiềm tàng.
○ Xuất hiện trước.	○ Xuất hiện sau.
○ Thực hiện chức năng sinh vật (giúp con người định hướng và thích nghi với môi trường bên ngoài với tư cách là một cá thể).	○ Thực hiện chức năng xã hội (giúp con người định hướng và thích nghi với xã hội với tư cách là một nhân cách).
○ Gắn liền với phản xạ không điều kiện.	○ Gắn liền với phản xạ có điều kiện.

- Mối liên hệ giữa tình cảm và xúc cảm

- Xúc cảm là cơ sở của tình cảm. Tình cảm được hình thành từ quá trình tổng hợp hóa, động hình hóa, khái quát hóa những xúc cảm đồng loại (cùng một phạm trù, cùng một phạm vi đối tượng). Ví dụ:

tình cảm của con cái đối với cha mẹ là xúc cảm (dương tính) thường xuyên xuất hiện do liên tục được cha mẹ chăm sóc thoả mãn nhu cầu, dần dần được tổng hợp hoá, động hình hoá, khái quát hoá mà thành.

- Tình cảm được xây dựng từ những xúc cảm, nhưng khi đã được hình thành thì tình cảm lại thể hiện qua xúc cảm phong phú, đa dạng và chi phối xúc cảm.

5. Phân tích vai trò của yếu tố môi trường sống đối với đến sự hình thành và phát triển nhân cách.

a. Thế nào là môi trường ?

Môi trường là hệ thống phức tạp, đa dạng các hoàn cảnh bên ngoài, các điều kiện tự nhiên và xã hội xung quanh cần thiết cho sinh hoạt và phát triển của con người.

Từ định nghĩa trên ta có thể nhận thấy có hai loại môi trường, đó là môi trường tự nhiên và môi trường xã hội:

- + Môi trường tự nhiên bao gồm các điều kiện tự nhiên – sinh thái phục vụ cho học tập, lao động, rèn luyện sức khoẻ, vui chơi, nghỉ ngơi của con người.
- + Môi trường xã hội bao gồm môi trường chính trị, môi trường kinh tế, sản xuất, môi trường sinh hoạt xã hội và môi trường văn hoá.

b. Vai trò của môi trường đối với sự phát triển nhân cách:

Trong sự hình thành và phát triển nhân cách, môi trường xã hội có tầm quan trọng đặc biệt vì nếu không có xã hội loài người thì những tư chất có tính người cũng không thể phát triển được. Cụ thể, môi trường có vai trò như sau:

- + Sự hình thành và phát triển nhân cách chỉ có thể được thực hiện trong một môi trường nhất định. Môi trường góp phần tạo nên mục đích, động cơ, phương tiện và điều kiện cho hoạt động giao lưu của cá nhân, mà nhờ đó cá nhân chiếm lĩnh được các kinh nghiệm xã hội loài người để hình thành và phát triển nhân cách của mình.
- + Tuy nhiên tính chất và mức độ ảnh hưởng của môi trường đối với sự hình thành và phát triển nhân cách còn tùy thuộc vào lập trường, quan điểm, thái độ của cá nhân đối với các ảnh hưởng đó, cũng như tùy thuộc vào xu hướng và năng lực, vào mức độ của cá nhân tham gia cải biến môi trường.

Như vậy cần chú ý đến hai mặt trong tác động qua lại giữa nhân cách và môi trường:

- + Tính chất tác động của hoàn cảnh đã phản ánh vào nhân cách.
- + Sự tham gia của nhân cách tác động đến hoàn cảnh nhằm làm cho hoàn cảnh đó phục vụ cho lợi ích của mình.

Hai mặt nói trên có ảnh hưởng, tác động qua lại lẫn nhau. K.Marx đã chỉ ra rằng: “Hoàn cảnh đã sáng tạo ra con người trong chừng mực mà con người đã sáng tạo ra hoàn cảnh”.

Trong quá trình giáo dục con người, cần gắn chặt từng bước việc giáo dục, học tập với thực tiễn cải tạo xã hội. Còn trong quá trình hình thành và phát triển nhân cách, cần đánh giá đúng mức vai trò của môi trường. Cho đến nay vẫn còn tồn tại “Thuyết định mệnh do hoàn cảnh”, thuyết này tuyệt đối hoá vai trò của hoàn cảnh, hạ thấp vai trò của giáo dục, biện hộ cho việc duy trì đặc quyền giáo dục đối với các tầng lớp xã hội có hoàn cảnh thuận lợi. Ngược lại, thuyết “Giáo dục vạn năng” lại phủ nhận tính quy định của môi trường xã hội đối với sự hình thành và phát triển nhân cách, thậm chí có ảo tưởng dùng những biện pháp có tính chất cải lương chỉ thông qua hoạt động giáo dục thay thế cho những cải biến cách mạng về kinh tế, chính trị, xã hội...

6. Phân tích vai trò của yếu tố hoạt động đối với sự hình thành và phát triển nhân cách.

a. Khái niệm.

Theo tâm lý học: Hoạt động là phương thức tồn tại của con người trong thế giới. Hoạt động tạo nên mối quan hệ tác động qua lại giữa con người với thế giới khách quan và với chính bản thân mình, qua đó tạo ra sản phẩm cả về phía thế giới (khách thể), cả về phía con người (chủ thể).

b. Vai trò của hoạt động.

Hoạt động đóng vai trò quyết định đến sự hình thành và phát triển tâm lý và nhân cách cá nhân thông qua hai quá trình:

Quá trình đối tượng hóa: chủ thể chuyển năng lực và phẩm chất tâm lý của mình tạo thành sản phẩm. Từ đó, tâm lý người được bộc lộ, khách quan hóa trong quá trình tạo ra sản phẩm, hay còn được gọi là quá trình xuất tâm.

Ví dụ: Khi thuyết trình một môn học nào đó thì người thuyết trình phải sử dụng kiến thức, kỹ năng, thái độ, tình cảm của mình về môn học đó để thuyết trình. Trong khi thuyết trình thì mỗi người lại có tâm lý khác nhau: người thì rất tự tin, nói to, mạch lạc, rõ ràng, logic; người thì run, lo sợ, nói nhỏ, không mạch lạc. Cho nên phụ thuộc vào tâm lý của mỗi người mà bài thuyết trình đó sẽ đạt yêu cầu hay không đạt yêu cầu.

Quá trình chủ thể hóa: Thông qua các hoạt động đó, con người, tiếp thu lấy tri thức, đúc kết được kinh nghiệm nhờ quá trình tác động vào đối tượng, hay còn được gọi là quá trình nhập tâm.

Ví dụ: Sau lần thuyết trình lần đầu tiên thì cá nhân đó đã rút ra được rất nhiều kinh nghiệm cho bản thân và đã biết làm thế nào để có một bài thuyết trình đạt hiệu quả tốt. Nếu lần sau có cơ hội được thuyết trình thì sẽ phải chuẩn bị một tâm lý tốt, đó là: phải tự tin, nói to, rõ ràng, mạch lạc, logic, phải làm chủ được mình trước mọi người,...

c. Kết luận:

- Hoạt động quyết định đến sự hình thành và phát triển tâm lý, nhân cách cá nhân.
- Sự hình thành và phát triển tâm lý, nhân cách cá nhân phụ thuộc vào hoạt động chủ đạo của từng thời kỳ.

Ví dụ:

- Giai đoạn tuổi nhà trẻ (1-2 tuổi) hoạt động chủ đạo là hoạt động với đồ vật: trẻ bắt chước các hành động sử dụng đồ vật, nhờ đó khám phá, tìm hiểu sự vật xung quanh.
- Giai đoạn trưởng thành (18-25 tuổi) hoạt động chủ đạo là lao động và học tập.
- Cần tổ chức nhiều hoạt động đa dạng và phong phú trong cuộc sống và công tác.
- Cần tạo môi trường thuận lợi để con người hoạt động.

7. Trình bày đặc điểm tính cách và nêu ý nghĩa vận dụng trong đánh giá tính cách cá nhân.

a. Khái niệm

Tính cách là một thuộc tính tâm lí của cá nhân bao gồm một hệ thống thái độ của cá nhân với hiện thực xung quanh thể hiện trong hệ thống hành vi cử chỉ phong cách giao tiếp,...

b. Đặc điểm của tính cách

- Tính ổn định và tính bền vững.

Tính cách là một thuộc tính của cá nhân, là những tính chất, những phản ứng có tính chất ổn định và rất bền vững. Trong hoạt động, các hành vi của con người luôn luôn phản ánh những nét tính cách tiêu biểu, những hoàn cảnh giống nhau thường có những phản ứng giống nhau một cách ổn định. Điều này khẳng định rằng con người có thể dự đoán về tính tình của người khác thông qua việc quan sát phong thái, hành vi của họ một cách có hệ thống. Những nét tính cách đã được hình thành từ trong quá trình sống trở nên rất ổn định, khó thay đổi và để lại trong cuộc sống những dấu ấn mạnh mẽ.

- Tính độc đáo, riêng biệt.

Các nét tính cách được hình thành theo những mối liên hệ bên trong nhất định và chịu ảnh hưởng của những động cơ cá nhân, chịu ảnh hưởng bởi những điều kiện xã hội, tự nhiên nhất định.

- Tính xã hội.

Tính cách được hình thành và phát triển trong quá trình sống và hoạt động, các yếu tố sinh học có ảnh hưởng rất ít đến quá trình hình thành tính cách. Tính cách được hình thành, phụ thuộc phần lớn vào các quan hệ xã hội.

- Tính điển hình.

Tính cách của con người vừa phản ánh tính chất riêng biệt của cá nhân nhưng cũng phản ánh nguồn gốc các mối quan hệ nguồn gốc văn hoá của cá nhân ấy, hay nói cách khác, tính cách cá nhân phản ánh tính chất của cộng đồng mà cá nhân ấy là một thành viên.

c. Ý nghĩa:

Tính cách là sự thống nhất biện chứng giữa 2 mặt nội dung bên trong và hình thức biểu hiện bên ngoài:

- + Nội dung bên trong là hệ thống thái độ của cá nhân bao gồm: thái độ đối với tự nhiên, xã hội và bản thân.
- + Hình thức bên ngoài là hệ thống những hành vi, cử chỉ và cách nói năng của cá nhân.

Tính cách là hệ thống thái độ đã được củng cố trong hệ thống hành vi quen thuộc. Có thể dựa vào tính cách của 1 người để dự đoán hành vi phản ứng của họ trong 1 tình huống cụ thể nào đó. Hệ thống thái độ là mặt chủ đạo mang tính chất quyết định, hệ thống hành vi là mặt biểu hiện ra bên ngoài.

Ví dụ: 1 người có thái độ tốt đối với mọi người xung quanh (thẳng thắn, trung thực, thông cảm, thật lòng muốn giúp đỡ mọi người,..) nhưng phương thức hành vi biểu hiện luôn gay gắt, căng thẳng, nóng nảy, thiếu kiềm chế và thô lỗ. Trường hợp trong ví dụ nêu trên không có sự nhất quán giữa hệ thống thái độ và hệ thống hành vi nên không thể coi là tính cách tốt.